**TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN**

**TỔ XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 – 2024**

**MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10**

**A. PHẦN LÍ THUYẾT**

**I. TRÁI ĐẤT**

- Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất

**II. THẠCH QUYỂN**

- Thạch quyển. Thuyết kiến tạo mảng

- Nội lực và ngoại lực

**III. KHÍ QUYỂN**

- Khí quyển. Các yếu tố khí hậu

**IV. THỦY QUYỂN**

- Thủy quyển. Nước trên lục địa

- Nước biển và đại dương

**V. SINH QUYỂN**

- Đất trên Trái Đất

- Sinh quyển

**B. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

- Sử dụng bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu để trình bày và giải thích sự phân bố của các yếu tố khí hậu, các thành phần tự nhiên khác.

- Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích số liệu thống kê.

- Bài tập tính giờ, tính nhiệt độ không khí.

**I. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**I. Bài 5: HỆ QUẢ ĐỊA LÍ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT.**

**Câu 1.** Càng xa Xích đạo thời gian ngày và đêm càng

**A.** bằng nhau. **B.** chênh lệch. **C.** bằng 24 giờ. **D.** dài thêm 6 tháng.

**Câu 2**. Trái Đất hoàn thành một vòng tự quay quanh trục trong khoảng thời gian nào?

**A**. Một ngày đêm. **B**. Một năm. **C**. Một mùa. **D**. Một tháng.

**Câu 3.** Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

**A**. Ngày đêm dài ngắn theo mùa. **B**. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C.** ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ. **D.** Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

**Câu 4.** Mùa xuân ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Nam được tính từ ngày

**A.** 21/3. **B**. 22/6. **C.** 23/9. **D**. 22/12.

**Câu 5.** Cho biết giờ bắt đầu làm việc của một công ty ở TP. Hồ Chí Minh như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mùa** | **Sáng** | **Chiều** |
| **Mùa hè** | Từ 7 giờ - 11 giờ 30 phút | Từ 13 giờ 30 phút - 18 giờ |
| **Mùa đông** | Từ 7 giờ 30 phút – 12 giờ | Từ 13 giờ - 17 giờ 30 phút |

Qua bảng trên, cho biết sự điều chỉnh giờ làm của công ty trên để phù hợp với hiện tượng nào dưới đây?

**A.** Ngày, đêm luân phiên nhau. **B**. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.

**C.** Ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. **D.** Ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

**Câu 6.** Trong năm khu vực nhận được lượng nhiệt lớn nhất từ Mặt Trời là

**A**. Cực. **B**. Xích đạo. **C**. Vòng cực. **D**. Chí tuyến.

**Câu 7**. Khi ở Việt Nam là 2 giờ sáng ngày 31/12/2022 thì ở Luân đôn (Khu vực giờ gốc) là mấy giờ? ngày nào?

**A.** 19h ngày 01/01/2023. **B**. 19h ngày 30/12/2022.

**C**. 19h ngày 30/12/2021. **D**. 9h ngày 30/12/2022.

**Câu 8.** Hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong câu ca dao *“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng; Ngày tháng mười chưa cười đã tối”* xảy ra ở khu vực nào sau đây?

**A**. Bán cầu Bắc. **B**. Bán cầu Nam.

**C**. Vòng cực Bắc. **D**. Vòng cực Nam.

**II. THẠCH QUYỂN**

**Câu 9.** Thạch quyển gồm

**A.** vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Man-ti.

**B**. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá trầm tích.

**C.** đá badan và phần ở trên cùng của lớp Man-ti.

**D**. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá biến chất.

**Câu 10**. Nguồn năng lượng sinh ra nội lực chủ yếu là

**A**. năng lượng từ Vũ Trụ. **B**. nguồn năng lượng Mặt Trời.

**C**. sức gió, sức nước và năng lượng thủy triều.  **D**. nguồn năng lượng trong lòng đất.

**Câu 11.** Vận động nào sau đây **không** do tác động của nội lực?

**A**. Uốn nếp. **B.** Bóc mòn.

**C**. Đứt gãy. **D**. Nâng lên hạ xuống.

**Câu 12.** Các cồn cát ven biển là kết quả trực tiếp của quá trình

**A.** phong hoá. **B.** vận chuyển. **C.** bồi tụ. **D.** bóc mòn.

**Câu 13.** Nội lực và ngoại lực là hai lực

**A.** cùng chiều, có vai trò như nhau trong thành tạo địa hình bề mặt Trái Đất.

**B.** ngược chiều, ít có vai trò trong thành tạo địa hình bề mặt Trái Đất.

**C.** cùng chiều, làm cho địa hình Trái Đất ngày càng cao hơn.

**D.** đối nghịch, tác động đồng thời đến địa hình bề mặt Trái Đất.

**Câu 14.** Nguyên nhân nào sau đây làm cho phong hoá lí học xảy ra mạnh ở các miền khí hậu khô nóng (hoang mạc và bán hoang mạc)?

**A**. Nhiệt độ trung bình năm cao. **B**. Biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn.

**C**.Lượng mưa trung bình năm nhỏ. **D**. Thảm thực vật rất nghèo nàn.

**Câu 15.** Hoạt động của con người góp phần làm phá hủy đá về mặt vật lí là

**A**. nuôi trồng thủy sản.

**B**. canh tác lúa nước, đánh bắt hải sản.

**C**. chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp.

**D**. khai thác khoáng sản, xây dựng đường giao thông.

**III. Bài 9: KHÍ QUYỂN. CÁC YẾU TỐ KHÍ HẬU**

**Câu 16.** Khí quyển là

**A.** quyển chứa toàn bộ chất khí.

**B.** khoảng không gian bao quanh Trái Đất.

**C.** lớp không khí có độ dày khoảng 500 km.

**D.** lớp không khí bao quanh Trái Đất, chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

**Câu 17.** Khu vực nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến. **C.** Ôn đới. **D.** Cực.

**Câu 18**. Nhiệt độ trung bình năm trên Trái Đất có xu hướng giảm dần từ vùng vĩ độ thấp về các vĩ độ cao chủ yếu do

**A**. càng về vĩ độ cao chênh lệch góc nhập xạ càng lớn.

**B**. càng về vùng vĩ độ cao thì góc nhập xạ trong năm càng nhỏ.

**C**. tầng đối lưu ở vùng vĩ độ cao mỏng hơn ở vùng vĩ độ thấp.

**D**. càng về vùng vĩ độ cao thời gian được Mặt Trời chiếu sáng trong năm càng ít.

**Câu 19**. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa vì

**A**. đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

**B**. bề mặt các lục địa nhận được lượng bức xạ nhiều hơn đại dương.

**C**. đất hấp thụ nhiệt nhanh hơn nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.

**D**. độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương.

**Câu 20.** Ở00Ở sườnỞ chân núi bên sườn đón gió, nhiệt độ không khí là 320C; đến độ cao 2500m thì nhiệt độ ở đỉnh núi lúc đó là

**A.** 100C. **B.** 170C. **C.** 190C. **D.** 200C.

**Câu 21**. Khu vực có nhiệt độ trung bình năm cao nhất trên Trái Đất không phải là ở xích đạo mà ở vùng chí tuyến bán cầu Bắc chủ yếu do

**A.** xích đạo là vùng có nhiều rừng.

**B**. xích đạo quanh năm có góc nhập xạ lớn.

**C**. tỉ lệ diện tích lục địa ở khu vực xích đạo nhỏ, mưa nhiều.

**D**. khu vực xích đạo có tầng đối lưu dày.

**Câu 22.** Khi gió khô xuống núi; núi ở độ cao 2500m, nhiệt độ của không khí trong gió là 130C thì khi xuống đến độ cao 300m, nhiệt độ không khí trong gió sẽ là

**A.** 310C. **B.** 330C. **C.**350C. **D.** 370C.

**Câu 23.** Theo bảng số liệu (bảng 1), nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí?

**A**. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

**B.** Càng về ở xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

**C.** Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.

**D.** Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.

**Bảng 1. Sự thay đối của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí trên Trái Đất (°C)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **0°** | **20°** | **30°** | **40°** | **50°** | **60°** | **70°** | **80°** |
| Bán cầu Bắc | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,8 | 29,0 | 32,2 | 31,0 |
| Bán cầu Nam | 1,8 | 5,9 | 7,0 | 4,9 | 4,3 | 11,8 | 19,5 | 28,7 |

**Câu 24.** Theo bảng số liệu (bảng 2), nhận xét nào sau đây đúng về biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa?

**A.** Đại dương có biên độ nhiệt độ năm cao hơn lục địa.

**B.** Đại dương có trị số tháng lạnh nhất cao hơn lục địa.

**C.** Đại dương có trị số tháng nóng nhất cao hơn lục địa.

**D.** Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất ở đại dương lớn hơn lục địa.

**Bảng 2. Biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa (°C)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Biến trình đại dương, đảo Hêbrit (57°32 B)** |  **Biến trình lục địa,****Kirren (57°47 B)** |
| **Tháng lạnh nhất** | **Tháng nóng nhất** | **Biên độ** | **Tháng lạnh nhất** | **Tháng nóng nhất** | **Biên độ** |
| 3 (5°C) | 8 (12,8°C) | 7,8°c | 1 (-27,3’C) | 7 (18,6°C) | 45,9°c |

**Câu 25.** Cho bảng số liệu

**Nhiệt độ và lượng mưa trung bình ở Huế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Nhiệt độ *(oC)* | 19,7 | 20,9 | 23,2 | 26,0 | 28,0 | 29,2 | 29,4 | 28,8 | 27,0 | 25,1 | 23,2 | 20,8 |
| Lượng mưa*(mm)* | 161,3 | 62,6 | 47,1 | 51,6 | 82,1 | 116,7 | 95,3 | 104 | 473,4 | 795,6 | 580,6 | 297,4 |

**a)** Để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Huế, biểu đồ nào dưới đây thích hợp nhất?

**A.** Đường. **B.** Cột ghép. **C.** Kết hợp (cột và đường). **D.** Tròn.

**b)** Nhiệt độ trung bình năm ở Huế là

**A.** 301oC. **B.** 25,1 oC. **C.** 30,1 oC. **D.** 25 oC.

**c)** Biên độ nhiệt năm ở Huế là

**A.** 9,7oC. **B.** 9,5 oC. **C.** 49,1 oC. **D.** 25,1 oC.

**Câu 26.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

**A.** Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới.

**C.** Ôn đới, cực. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 27.** Các vành đai áp nào sau đây được hình thành do nhiệt lực?

**A**. Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, cực.

**C.** Cực, xích đạo. **D**. Ôn đới, chí tuyến.

**Câu 28.** Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

**A.** Đông Bắc. **B.** Đông Nam **C.** Tây Bắc. **D.** Tây Nam

**Câu 29.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân bố của khí áp?

**A.** Các đai khí áp phân bố liên tục theo các đường kinh tuyến

**B.** Trên Trái Đất có 7 đai khí áp chính

**C.** Hai đai áp cao được ngăn cách với nhau bởi 1 đai áp thấp

**D.** Gió thường xuất phát từ các áp cao

**Câu 30.** Các nhân tố làm cho vùng xích đạo có mưa rất nhiều là

**A**. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng.

**B.** áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển lạnh.

**C.** dải hội tụ nhiệt đới, frông nóng, gió Mậu dịch.

**D.** dải hội tụ nhiệt đới, các núi cao, gió Mậu dịch.

**Câu 31**. Các hoang mạc lớn trên thế giới thường phân bố ở khu vực cận chí tuyến chủ yếu là do

**A**. nhận đư­ợc nguồn bức xạ từ Mặt Trời lớn. **B**. dòng giáng từ trên cao khí quyển xuống.

**C**. khu vực áp cao thống trị, dòng biển lạnh. **D**. có lớp phủ thực vật thư­a thớt, dòng biển lạnh.

**Câu 32.** Vùng Bắc Trung Bộ nước ta, sườn đông dãy Trường Sơn có gió phơn (gió Lào) khô nóng là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Có khí áp cao. **B.** Có gió khô Tây Nam thổi đến.

**C.** Có gió Mậu Dịch thổi đến. **D.** Do ảnh hưởng của địa hình chắn gió.

**IV. Bài 11: THỦY QUYỂN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA**

**Câu 33.** Hồ thủy điện Hòa Bình trên sông Đà nước ta thuộc loại hồ nào sau đây?

**A.** Hồ băng hà. **B**. Hồ tự nhiên.

**C.** Hồ nhân tạo. **D.** Hồ miệng núi lửa.

**Câu 34.** Hồ Tây (Hà Nội) thuộc loại hồ nào sau đây?

**A.** Hồ băng hà. **B**. Hồ tự nhiên.

**C.** Hồ móng ngựa. **D.** Hồ miệng núi lửa.

**Câu 35.** Sông ngòi ở miền khí hậu nào dưới đây có đặc điểm là nhiều nước quanh năm?

**A.** Khí hậu nhiệt đới gió mùa. **B.** Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.

**C.** Khí hậu ôn đới lục địa. **D.** Khí hậu xích đạo.

**Câu 36.** Chế độ mưa ảnh hưởng tới chế độ nước sông là

**A.** điều tiết chế độ dòng chảy sông. **B.** quy định chế độ dòng chảy sông.

**C.** tăng rất nhanh lưu lượng dòng chảy. **D.** quy định tốc độ dòng chảy sông.

**Câu 37.** Nước ngầm được gọi là

**A**. kho nước mặn của Trái Đất. **B**. nền tảng nâng đỡ địa hình.

**C.** nguồn gốc của sông suối. **D.** kho nước ngọt của Trái Đất.

**Câu 38.** Sông ngòi ở vùng khí hậu nóng hoặc những nơi địa hình thấp của khí hậu ôn đới thì nguồn cung nước chủ yếu là

**A.** nước mưa. **B.** băng tuyết. **C.** nước ngầm. **D.** các hồ chứa.

**Câu 39.** Tác động tiêu cực của con người đến chế độ nước sông là

**A**. xây dựng công trình thủy lợi. **B**. phá rừng đầu nguồn.

**C.** trồng và bảo vệ rừng. **D.** xây dựng hò chứa thủy điện.

**Câu 40.** Chế độ nước của một con sông phụ thuộc vào những nhân tố nào sau đây?

**A.** Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, nhiệt độ trung bình năm.

**B.** Chế độ gió, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.

**C.** Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, hồ đầm.

**D.** Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.

**Câu 41.** Ở miền ôn đới lạnh, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

**A.** địa hình. **B**. chế độ mưa. **C.** băng tuyết. **D.** thực vật.

**Câu 42.** Ý nghĩa của hồ đầm đối với sông là

**A**. điều hoà chế độ nước sông. **C**. giảm lưu lượng nước sông.

**B**. nhiều thung lũng. **D**. địa hình dốc.

**Câu 43.** Việc phá hoại rừng phòng hộ ở thượng nguồn sông, sẽ dẫn tới hậu quả là

**A.** mực nước sông quanh năm thấp, sông chảy chậm chạp.

**B.** mực nước sông quanh năm cao, sông chảy siết.

**C.** mùa lũ nước sông dâng cao đột ngột, mùa cạn mực nước cạn kiệt.

**D.** sông sẽ không còn nước, chảy quanh co uốn khúc.

**Câu 44.** Nguyên nhân chính làm cho sông Mê Công có chế độ nước điều hoà hơn sông Hồng là do

**A.** sông Mê Công dài hơn sông Hồng.

**B.** sông Mê Công đổ ra biển bằng chín cửa.

**C.** thuỷ điện Hoà Bình làm sông Hồng chảy thất thường.

**D.** Biển Hồ giúp điều hoà nước sông Mê Công.

**Câu 45**. Mực nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.

**B.** Sông lớn, lòng sông rộng, nhiều phụ lưu.

**C.** Sông dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.

**D.** Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.

**BÀI 12. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

**Câu 46.** Độ muối trung bình của nước biển là

**A**. 33 %0. **B**. 34 %0. **C.** 35%0. **D.** 36%0.

**Câu 47.** Các dòng biển nóng thường hình thành ở khu vực nào của Trái Đất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến. **C.** Ôn đới. **D.** Vùng cực.

**Câu 48**. Khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều nhỏ nhất?

**A.** Thẳng hàng. **B.** Vòng cung. **C.** Đối xứng. **D.** Vuông góc.

**Câu 49.** Sóng biển là

**A.** hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

**B.** sự chuyển động của nước biển từ ngoài khơi xô vào bờ.

**C.** hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.

**D.** sự di chuyển của nước biển theo các hướng khác nhau.

**Câu 50.** Khi Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất nằm thẳng hàng thì dao động thủy triều

**A.** không đáng kể. **B.** nhỏ nhất. **C.** trung bình. **D.** lớn nhất.

**Câu 51.** Vào các ngày có dao động thủy triều lớn nhất, ở Trái Đất sẽ thấy Mặt Trăng như thế nào?

**A.** Trăng khuyết. **B.** Trăng tròn hoặc Trăng khuyết.

**C.** Không Trăng hoặc Trăng tròn. **D.** Trăng khuyết hoặc không Trăng.

**Câu 52**. Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm

**A.** thẳng hàng nhau. **B.** đối xứng nhau.

**C.** xen kẽ nhau. **D.** song song nhau.

**V. Bài 14-15: ĐẤT VÀ SINH VẬT**

**Câu 53.** Đặc trưng của đất (thổ nhưỡng) là

**A.** tơi xốp. **B**. độ phì. **C.** độ ẩm. **D**. vụn bở.

**Câu 54.** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

**A**. toàn bộ sinh vật sinh sống. **B**. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.

**C**.toàn bộ động vật và vi sinh vật. **D**. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

**Câu 55.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

**A**. Khí hậu. **B**. Sinh vật. **C.** Địa hình. **D**. Đá mẹ.

**Câu 56**. Ở lục địa, giới hạn phía dưới của sinh quyển xuống tới đáy của

**A.** lớp phủ thổ nhưỡng. **B.** lớp vỏ phong hoá.

**C.** lớp dưới của đá gốc. **D.** lớp vỏ lục địa.

**Câu 57.** Loài cây ưa nhiệt thường phân bố ở vùng

**A.** ôn đới, nhiệt đới. **B.** nhiệt đới, cận nhiệt.

**C.** nhiệt đới, xích đạo. **D.** cận nhiệt, ôn đới.

**Câu 58**. Đất được hình thành do tác động đồng thời của các nhân tố

**A.** đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, con người.

**B.** khí hậu, đất, sinh vật, địa hình, con người.

**C.** đá mẹ, sông ngòi, sinh vật, địa hình, con người.

**D.** khí hậu, sinh vật, địa hình, con người, khoáng sản.

**Câu 59.** Trong quá trình hình thành đất, vi sinh vật có vai trò

**A.** cung cấp các vật chất vô cơ có ở trong đất.

**B.** góp phần quan trọng trong việc phá huỷ đá.

**C.** phân giải xác sinh vật và tổng hợp thành mùn.

**D.** là nguồn cung cấp các chất hữu cơ cho đất.

**Câu 60.** Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có

**A**. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng. **B**. ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.

**C**.chất dinh dưỡng, không khí và nước. **D**. chất dinh dưỡng, nước và ánh sáng.

**Câu 61.** Loại đất nào sau đây **không** thuộc nhóm feralit?

**A**. đất đỏ đá vôi. **B**. đất đỏ badan. **C.** đất phù sa cổ. **D**. đất ở núi đá.

**Câu 62.** Ở nơi địa hình dốc, tầng đất thường

**A.** mỏng, dễ xói mòn. **B.** bạc màu, ít chất dinh dưỡng.

**C.** dày do bồi tụ. **D.** dày, giàu chất dinh dưỡng.

**Câu 63.** Vùng có tuổi đất già nhất là

**A.** nhiệt đới. **B.** cực. **C.** ôn đới. **D.** cận cực.

**Câu 64.** Yếu tố nào sau đây tạo nên các vành đai phân bố thực vật?

**A.** Độ cao. **B.** Hướng nghiêng. **C.** Hướng sườn. **D.** Độ dốc.

**Câu 65.** Nhân tố sinh học quyết định đối với sự phát triển và phân bố của động vật là

**A.** nhiệt độ. **B.** độ ẩm. **C.** thức ăn. **D.** nơi sống.

**Câu 66.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

**A**. Loài cây ưa nhiệt thường phân bố ởnhiệt đới, xích đạo.

**B**. Những nơi khô hạn như hoang mạc có ít loài sinh vật.

**C.** Những cây chịu bóng thường sống trong các bóng râm.

**D**. Cây lá rộng sinh sống trên đất đỏ vàng ở rừng xích đạo.

**Câu 67.** Ảnh hưởng tích cực của con người đối với sự phân bố sinh vật **không** phải là

**A.** giảm diện tích rừng tự nhiên, mất nơi ở động vật.

**B.** thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.

**C.** đưa động vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.

**D.** trồng rừng, mở rộng diện tích rừng ở toàn thế giới.

**Câu 68**. Loại đất nào thích hợp với sự phát triển của các cây sú, vẹt, đước, bần, mắm?

**A.** Đất cát. **B.** Đất phèn. **C.** Đất mặn. **D.** Đất feralit.

**Câu 69**. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, loại đất nào được hình thành?

**A.** Đất feralit. **B.** Đất Pốt-dôn.

**C.** Đất đen. **D.** Đất đài nguyên.

**Câu 70**. Cho bảng số liệu

**Cơ cấu diện tích ba nhóm đất chính ở nước ta**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm đất** | **Đất feralit đồi núi thấp** | **Đất mùn núi cao** | **Đất phù sa** |
| Tỉ lệ | 65 | 11 | 24 |

Biểu đồ nào thích hợp thể hiện cơ cấu diện tích của ba nhóm đất chính của nước ta?

**A.** Cột **B.** Đường **C.** Tròn **D.** Miền

**B. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Cho Bảng số liệu

**Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu bắc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **Nhiệt độ trung bình năm (oC)** | **Biên độ nhiệt độ năm** **(oC)** |
| **0o** | 24,5 | 1,8 |
| **20o** | 25,0 | 7,4 |
| **40o** | 14,0 | 17,7 |
| **60o** | -0,6 | 29,0 |

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích về sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm theo vĩ độ ở Bán cầu Bắc?

**Câu 2.** Cho bảng số liệu sau

**Lượng mưa trung bình năm của một số địa điểm**

*(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Hà Nội** **(Việt Nam)** | **U-pha** **(LB Nga)** | **Va-len-xi-a** **(Ai-len)** |
| Lượng mưa | 1694 | 584 | 1416 |

*(Nguồn: Trang 54 - SKG Địa lí lớp 10, NXB Giáo dục Việt Nam )*

a. Vẽ biểu đồ cột so sánh lượng mưa trung bình năm của Hà Nội, U-pha và Va-len-xi-a.

b. Từ biểu đồ đã vẽ, hãy so sánh lượng mưa trung bình năm của 3 địa điểm trên.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu

**Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng (qua trạm Củng Sơn)**

*(Đơn vị: m3/s)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Lưu lượng** | 129 | 77 | 47 | 45 | 85 | 170 | 155 | 250 | 368 | 682 | 935 | 332 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình các tháng của sông Đà Rằng.

b. Từ biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét về thời gian mùa lũ, mùa cạn của sông Đà Rằng.

**Câu 4.** Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay?

**Câu 5.** Trình bày một số biện pháp để tăng độ phì, chống ô nhiễm, thoái hóa đất.

**Câu 6.** Biển và đại dương có vai trò như thế nào đối với kinh tế - xã hội nước ta hiện nay.

**Câu 7.** Tại sao cây chè được trồng nhiều ở vùng đồi núi phía Bắc, còn cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên nước ta?

---------------HẾT-------------